BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: ~~A2~~ _CS2
Chuyển GD sang B2 A5

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD10A	15		05	179	An	
2	000002	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	15		20	200	Anh	
3	000003	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	15		22	196	Anh	HP ĐN
4	000004	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	15		17	204	Anh	
5	000005	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	15		05	177	Anh	HP ĐN
6	000006	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	15		18	203	Ánh	
7	000007	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	15		05	198	Ánh	
8	000008	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	15		16	210	Chi	
9	000009	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	15		10	205	Chúc	
10	000010	1001021402	Vũ Phương	Đông	10/01/2004	KD10A	15		20	181	Đông	
11	000011	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	15		05	183	Dương	
12	000012	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	15		05	187	Duyên	
13	000013	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	15	(20) 20AP	208	Hà		
14	000014	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	15		12	185	Hải	
15	000015	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	15		17	202	Hiền	
16	000016	1001020121	Hoàng Thu	Hiền	30/04/2004	KD10A	15		10	209	Hiền	
17	000017	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	15		17	206	Hiền	
18	000018	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	15		17	188	Hoài	
19	000019	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	15		9	192	Huế	
20	000020	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	15		20	190	Hùng	HP ĐN
21	000021	100102040	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	15		05	194	Hương	
22	000022	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	15		12	207	Huyền	
23	000023	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	15		12	186	Huyền	
24	000024	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	15		10	186	Lan	
25	000025	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	15		15	182	Liên	
26	000026	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	15		16	176	Linh	
27	000027	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	15		13	180	Linh	
28	000028	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	15		24	178	Linh	
29	000029	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	15		17	197	Ngân	
30	000030	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	16		10	183	Anh	
31	000031	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2001	KD10A	16		18	201	Ly	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
32	000032	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	16		12	199	Mai	HP ĐM
33	000033	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	16		24	193	Mai	
34	000034	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	16		18	195	Ngân	

Tổng số sinh viên dự thi:..34....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 20. *tháng* 12. *Năm* 23

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Quách T. Hoàng Anh Ninh Thị Yến

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2 A6
Giảng đường: ~~A4~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	16		19	183	Ngân	
2	000036	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	16		21	185	Ngọc	
3	000037	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	16		16	177	A.Nhi	
4	000038	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	16		22	179	Nhi	
5	000039	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	16		24	182	Nhung.	
6	000040	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	16		24	184	Oanh	
7	000041	1001020250	Lương Thị Thu	Phương	25/11/2004	KD10A	16		22	181	Phương	
8	000042	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	16		22	187	Quynh	
9	000043	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	16		20	196	Tâm	
10	000044	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	16		18	180	Thảo	
11	000045	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	16		19	210	Thảo	
12	000046	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	16		23	189	Thảo	
13	000047	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	16		20	202	Thơ	
14	000048	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	16		22	198	Thư	
15	000049	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	16		22	200	Thuỷ	
16	000050	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	16		19	187	Trang	
17	000051	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	16		20	194	trang	
18	000052	1001021580	Phạm Thị	Trinh	06/12/2004	KD10A	16					Vắng
19	000053	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	16		22	203	Uyên	
20	000054	1001020331	Ngô Thị Thúy	Vân	22/01/2004	KD10A	16		15	201	Vân	
21	000055	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	16		20	179	Vui	
22	000056	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	16		18	183	Yến	
23	000057	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	17		25	205	Anh	
24	000058	1001020928	Hà Thị Loan	Anh	21/04/2004	KD10B	17					HP.DK
25	000059	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	17		14	180	Anh	
26	000060	100102040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	17		20	191	Anh	
27	000061	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	17		19	195	Anh	
28	000062	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	17		23	193	Anh	
29	000063	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	17		22	208	Ánh	
30	000064	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	17		04	204	Cường	
31	000065	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	17		24	206	Dung	
32	000066	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD10B	17					HP.DK
33	000067	0810210794	Bùi Thị Minh	Anh	07/07/2002	KD8C	17		24	197	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi:...30...
Tổng số tờ giấy thi:...30...
Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 20 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2

Đ T K Lam | Nguyễn Thị Thảo

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 3 A7
Giảng đường: A4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000068	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	17		08	185	Giang	
2	000069	1001020959	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/03/2004	KD10B	17					HP;ĐK
3	000070	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	17		19	209	Hà	
4	000071	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	17		16	207	Hiền	
5	000072	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	17		14	205	Hiền	
6	000073	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	17		20	188	Hoàn	
7	000074	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	17		06	201	Hùng	
8	000075	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	17		16	206	Hương	
9	000076	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	17		17	203	Hương	
10	000077	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	17		19	186	Huyền	
11	000078	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	17		20	200	Khuê	
12	000079	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	17		15	204	Lan	
13	000080	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	17		20	210	Linh	
14	000081	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	17		20	183	Linh	
15	000082	1001020183	Đặng Kim	Long	26/03/2004	KD10B	17					ĐK
16	000083	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	18		05	179	Ly	
17	000084	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân	Mai	21/12/2004	KD10B	18		17	181	Mai	
18	000085	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	18		06	202	Mến	
19	000086	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	18		22	198	Nghĩa	
20	000087	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	18		23	187	Ngọc	
21	000088	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD10B	18		07	182	Nhi	HP
22	000089	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	18		24	208	Nhi	
23	000090	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	18		16	178	Oanh	
24	000091	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	18		06	180	Nhung	
25	000092	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	18		17	176	Phương	
26	000093	1001020259	Chu Thị	Quyên	17/08/2004	KD10B	18		22	184	Quyên	
27	000094	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	18		09	180	Quỳnh	
28	000095	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	18		22	196	Tâm	
29	000096	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	18		07	199	Thảo	
30	000097	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	18		07	194	Thảo	
31	000098	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	18		12	192	Thảo	
32	000099	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	18		22	197	Thoa	
33	000100	1001020301	Nguyễn Thị Thuỳ	Tiên	03/06/2004	KD10B	18		21	195	Tiên	

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 Tuy Trần T Trang

Cán bộ coi thi 2 Đặng T. Phương

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 4 A8
Giảng đường: ~~A5~~ CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000101	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	KD10B	18		21	210	Trân	
2	000102	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	18		17	208	Trang	
3	000103	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	18		16	2186	Trang	
4	000104	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	18		18	205	Trúc	
5	000105	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	18					HP,ĐK
6	000106	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	18		20	198	Uyên	
7	000107	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	18		23	203	Vi	
8	000108	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	18		19	207	Vy	
9	000109	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	18		10	209	Yến	
10	000110	1001020019	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	KD10C	19		18	189	Anh	
11	000111	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	19		09	201	Anh	
12	000112	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	19		21	195	Anh	
13	000113	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	19		16	184	Anh	
14	000114	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	19		07	193	Anh	
15	000115	1001020937	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/2004	KD10C	19					HP
16	000116	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	19		24	206	Anh	
17	000117	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	19		14	199	Ánh	
18	000118	1001020946	Lê Thảo	Chi	15/02/2004	KD10C	19		24	183	Chi	
19	000119	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	19		23	197	Chi	
20	000120	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	19		22	186	Đào	
21	000121	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	19		20	187	Dung	
22	000122	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	19		18	204	Dung	
23	000123	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	19		21	188	Dương	
24	000124	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	19		18	194	Hằng	
25	000125	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	19		20	192	Hiền	
26	000126	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	19		16	202	Hiền	
27	000127	1001020133	Dương Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	19		09	181	Hoàng	
28	000128	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	19		20	200	Hương	
29	000129	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD10C	19		13	190	Huy	HP (Đức)
30	000130	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	19		21	179	Huyền	
31	000131	1001020154	Nguyễn Minh	Khương	06/10/2003	KD10C	19		05	171	Khương	
32	000132	1001020160	Phan Thị Phương	Lan	27/06/2004	KD10C	19					HP,ĐK
33	000133	0510311065	Đỗ Hoàng	Anh	03-06-1996	QTSA	19		20	197		

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 — Nguyễn Thị Vân

Cán bộ coi thi 2 — Lê Thị Minh Hà

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 5 A4 uC
Giảng đường: A6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN h
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000134	1001021442	Doãn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	19		22	207	Linh	
2	000135	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	19		10	210	Linh	
3	000136	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	19		17	~~168~~ 203	Ly	
4	000137	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	19		18	168	Tâm	
5	000138	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	20		17	204	Anh	
6	000139	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	20		18	208	Minh	
7	000140	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	20		14	176	Nam	
8	000141	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	20		10	206	Ngọc	
9	000142	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	20		07	196	Ngọc	HP (Đã
10	000143	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	20		15	194	Nhi	
11	000144	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	KD10C	20		23	192	Nhi	
12	000145	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	20		10	184	Nhung	HP (Đã
13	000146	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	20		23	202	Phú	
14	000147	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	20		19	182	phương	
15	000148	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quyên	18/12/2004	KD10C	20		12	201	Quyên	
16	000149	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	20		16	188	Quỳnh	
17	000150	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	20		24	187	Tâm	
18	000151	1001021413	Nguyễn Phương	Thảo	16/06/2004	KD10C	20		15	209	Thảo	
19	000152	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	KD10C	20		20	207	Thảo	
20	000153	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	20		10	194	Thảo	
21	000154	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	20		22	186	Thảo	
22	000155	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thơm	01/07/2004	KD10C	20		22	185	Thơm	
23	000156	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	20		15	190	Thương	
24	000157	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	20		15	201	Trâm	
25	000158	1001020310	Lê Thị Thùy	Trang	08/03/2004	KD10C	20		10	205	Trang	
26	000159	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	KD10C	20		22	204	Trang	
27	000160	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	KD10C	20		23	180	Trang	
28	000161	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	20		18	184	Trang	HP (Đã
29	000162	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	20		21	176	Trung	
30	000163	1001020328	Lê Ngọc Tài	Tuyền	05/02/2004	KD10C	20		21	178	Tuyền	
31	000164	1001020339	Nguyễn Thị	Xuân	13/07/2004	KD10C	20		17	206	Xuân	
32	000165	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	21		20	191	Anh	
33	000166	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	21		18	189	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 33
Tổng số tờ giấy thi: 33
Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1
Đặng T. Hiền

Cán bộ coi thi 2
Nguyễn T. Cẩm Nhung

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 6 A5 tầng
Giảng đường: ~~A7~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000167	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	21		19	244	Anh	
2	000168	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	21		20	212		
3	000169	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD10D	21					
4	000170	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	21		05	235		
5	000171	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	21		10	242	Anh	
6	000172	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	21		17	240	Anh	
7	000173	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	21		05	216	Bích	
8	000174	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	21		05	224	Chi	
9	000175	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	21		18	238	Đào	
10	000176	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	21		05	220	Dương	
11	000177	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	21		19	236	Giang	
12	000178	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	21		15	214	Hà	
13	000179	1001020964	Lê Thị Thu	Hằng	04/01/2004	KD10D	21		15	228		
14	000180	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	21		07	234	Hoa	
15	000181	1001020135	Lê Thị	Huế	26/01/2004	KD10D	21		05	218	Huế	
16	000182	1001020137	Đinh Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	21		17	230	Hưng	
17	000183	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	21		20	232	Hương	
18	000184	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	21		17	226	Hương	
19	000185	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	21		05	241	Huy	
20	000186	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	21		17	245		
21	000187	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	21		10	223		
22	000188	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	21		21	227	Kiều	
23	000189	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	21		24	237	Linh	
24	000190	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	21		17	231	Linh	
25	000191	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	21		14	243	Linh	
26	000192	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	21		12	192	Linh	
27	000193	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	22		17	222	Ly	
28	000194	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	22		13	221	Mai	
29	000195	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	22		22	219	Mai	
30	000196	1001020199	Nguyễn Chiều	Minh	08/07/2004	KD10D	22		05	217		HP Đn
31	000197	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	22		21	233	Nam	
32	000198	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	22		08	239	Ngọc	
33	000199	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2004	KD10D	22		18	229	Nguyệt	

Tổng số sinh viên dự thi: 32
Tổng số tờ giấy thi: 32
Tổng số biên bản: 6

Ngày 20 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Quách Thị Hoa Ninh Thị Yến

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 7 A6 v2
Giảng đường: ~~A8~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN 2
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000200	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	22		19	243		
2	000201	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	22		22	239		HP
3	000202	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	22		13	245	Nhung	
4	000203	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	22		24	241	Nhung	
5	000204	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	22		24	229		
6	000205	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phương	25/10/2003	KD10D	22		23	237	Phương	
7	000206	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	22		14	227	Phương	
8	000207	1001020260	Nguyễn Thị	Quyên	02/11/2004	KD10D	22		21	235	Quyên	
9	000208	1001021561	Hoàng Ngọc	Sơn	17/04/2004	KD10D	22					DK
10	000209	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	22		23	233	Thái	
11	000210	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	22		19	231	thảo	
12	000211	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	22		20	217	Thảo	
13	000212	1001020290	Phạm Thị	Thơm	19/02/2004	KD10D	22		20	219	Thơm	
14	000213	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	22		18	211	Thúy	
15	000214	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	22		17	213	Trâm	
16	000215	1001021073	Lê Huyền	Trang	15/12/2004	KD10D	22					HP,DK
17	000216	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	22		19	215	Trang.	
18	000217	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	22		24	225	Tú	
19	000218	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	22		19	223	Vinh	
20	000219	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	22		19	223	Xuân	
21	000220	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	23		22	244	Panh	
22	000221	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	23		17	240	Anh	
23	000222	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	23		15	242	Anh	
24	000223	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	23		25	241	Anh	
25	000224	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	23		15	238	V. Anh	
26	000225	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	23		24	217	Anh	
27	000226	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	23		22	225	Ánh	
28	000227	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD10E	23		16	212	Bích	HP
29	000228	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD10E	23		22	214	Đạt	HP
30	000229	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	23		22	211	Dung	
31	000230	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	23		23	236	Dương	
32	000231	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD10E	23		11	234	Giang	

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Lam Nguyễn Thị Thảo

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 8 A7 lc
Giảng đường: A7_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN 2
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000232	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	23		13	214	Hằng	
2	000233	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	23		15	242	Hạnh	
3	000234	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	23		13	238	Hạnh	
4	000235	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	23		20	238	Hoa	
5	000236	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	23		09	244	Hạnh	
6	000237	1001020139	Dường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	23		13	240	Hường	
7	000238	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD10E	23		05	230	Hường	
8	000239	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	23		21	24	Huyền	
9	000240	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	23		15	236	Lam	HP
10	000241	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	23		20	252	Lan	
11	000242	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	23		20	224	Linh	
12	000243	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	23		10	228	Thuỳ	
13	000244	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	23		19	220	Linh	
14	000245	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	23		19	222	Linh	
15	000246	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	23		08	226	Ly	
16	000247	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	24		22	223	mai	
17	000248	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	24		22	218	Mai	
18	000249	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	24		09	245	Minh	
19	000250	1001020217	Lê Yến	Ngọc	17/12/2004	KD10E	24		21	243	Ngọc	
20	000251	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	24		22	246	Nguyệt	
21	000252	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD10E	24		05	241	Nhi	HP
22	000253	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	24		22	239	Nhi	HP
23	000254	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	24		22	237	Nhung	
24	000255	100102104 2	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	24		06	235	Phương	
25	000256	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	24		13	256	Phương	
26	000257	1001020253	Phạm Thị Thu	Phương	28/02/2004	KD10E	24		22	231	Huế	
27	000258	1001021418	Nguyễn Hồng	Sơn	15/11/2004	KD10E	24		16	221	Phương	Sơn
28	000259	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	24		18	225	Thanh	
29	000260	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD10E	24					DK
30	000261	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	24		20	219	Thảo	
31	000262	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	24		12	227	Thảo	
32	000263	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E	24		09	229	Thơm	
33	000264	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	24		05	215	Thủy	

Tổng số sinh viên dự thi: 32
Tổng số tờ giấy thi: 32
Tổng số biên bản: 0

Ngày 22 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 — Trần T Trang

Cán bộ coi thi 2 — Đặng T. Phương

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 9 A8 2
Giảng đường: ~~AH~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN 2
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000265	1001020312	Lưu Thị Thùy	Trang	03/08/2004	KD10E	24		17	245	Trang.	
2	000266	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	24		17	243	Trang	
3	000267	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	24		22	241	Trang	
4	000268	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	24		18	239	Trang	
5	000269	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	24		16	225	Trang	V
6	000270	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	24		20	237	Trang	
7	000271	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	24		21	223	Tú	V
8	000272	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	24		21	235	Tuyết	
9	000273	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	24		15	233	Vinh	
10	000274	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	24		21	231	Xuân	
11	000275	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	25		21	229	Anh	
12	000276	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	25		24	227	Anh	
13	000277	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	25		9	221	Anh	HP
14	000278	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	25		13	219	Anh	
15	000279	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	25		21	211	Anh.	
16	000280	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	25		15	244	Ánh	
17	000281	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	25		13	242	Ánh	
18	000282	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	25		18	232	Bình	
19	000283	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	25		19	218	Chi	
20	000284	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	25		22	213	Chi	
21	000285	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	25		13	236	Diễm	
22	000286	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	25		9	238	Dũng	
23	000287	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	25		21	240	Dương	
24	000288	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	25		18	234	Giang	
25	000289	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	25		20	220	Hà	
26	000290	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	25		17	215	Hòa	
27	000291	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	25		13	217	Hoài.	
28	000292	1001020975	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	KD10G	25		18	228	Huê	
29	000293	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	25		14	224	Hương	
30	000294	1001020147	Đỗ Thị Thúy	Huyền	03/04/2004	KD10G	25		14	222	Huyền	
31	000295	1001020152	Phùng Khánh	Huyền	11/01/2004	KD10G	25		21	226	Huyền	
32	000296	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	25		15	230	Lâm	
33	000297	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G	25		17	216	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 33
Tổng số tờ giấy thi: 33
Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 10 A4
Giảng đường: A2_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000298	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	25		23	232	Linh	
2	000299	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G	25		18	223	Linh	
3	000300	1001021013	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	KD10G	26		20	236	Ly.	
4	000301	1001020196	Trần Thị Ngọc	Mai	12/09/2004	KD10G	26		21	240	Mai	
5	000302	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	KD10G	26		22	228	Minh	
6	000303	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	26		16	221	My	
7	000304	1001020209	Đào Thị Quỳnh	Nga	01/01/2004	KD10G	26		19	236	Nga	
8	000305	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	KD10G	26		22	234	Ngọc	
9	000306	1001020225	Nguyễn Thị Thanh	Nhài	17/07/2004	KD10G	26		20	229	Nhài	
10	000307	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	26		18	227	Nhi	
11	000308	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	26		20	225	Nhi	
12	000309	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G	26		18	211	Nhung	
13	000310	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	26		22	219	Phương	
14	000311	1001020981	Phạm Thu	Phương	06/11/2004	KD10G	26		14	231	Phương	
15	000312	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	26		17	261	Quyên	
16	000313	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	26		19	237	Thảo	
17	000314	1001021404	Trần Thị Phương	Thảo	08/03/2004	KD10G	26		22	218	Thảo	
18	000315	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	26		20	215	Thi	HP
19	000316	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	26		20	230	Thu	
20	000317	1001020298	Đỗ Thị	Thủy	01/08/2004	KD10G	26		05	225	Thủy	
21	000318	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thủy	16/10/2004	KD10G	26		21	230	Thủy	
22	000319	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	26		10	222	Trang	
23	000320	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	26		18	213	Trang	
24	000321	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	26		15	220	Trang	
25	000322	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	26		21	212	Tuấn	
26	000323	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	26		20	228	Tuyết	
27	000324	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	26		20	214	Vân	
28	000325	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	26		18	212	Như Ý	
29	000326	1001020023	Đỗ Vân	Anh	23/12/2003	KD10H	27		17	238	Anh	
30	000327	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	27		20	299	Anh	
31	000328	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD10H	27		15	234	Anh	
32	000329	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	27		17	242	Anh	
33	000330	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD10H	27		06	224	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 33
Tổng số tờ giấy thi: 33
Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 — Đặng T. Hiền

Cán bộ coi thi 2 — Ng T. C. Nhung

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 11 A5 c
Giảng đường: ~~A3~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN 2
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000331	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD10I1	27					V
2	000332	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10I1	27		18	253	Ánh	
3	000333	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10I1	27		10	263	Châu	
4	000334	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10I1	27		23	257	Chi	
5	000335	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10I1	27		21	276	Dịu	
6	000336	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10I1	27		21	248	Giang	
7	000337	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10I1	27		06	225	Giang	
8	000338	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10I1	27		22	280		
9	000339	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10I1	27		21,5	265	Hậu	
10	000340	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10I1	27		08	269	Hiền	
11	000341	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10I1	27		05	251	Hoài	
12	000342	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10I1	27		16	248	Huệ	
13	000343	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10I1	27		22	272	Hường	
14	000344	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10I1	27		23	270	Hương	
15	000345	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10I1	27		21	274	Hường	
16	000346	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10I1	27		23	268	Huyền	
17	000347	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10I1	27		18	266	Huyền	
18	000348	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10I1	27		22	269	Linh	
19	000349	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10I1	27		23	267	Linh	
20	000350	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10I1	27		05	269	Linh	
21	000351	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10I1	27		18	246	Linh	
22	000352	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10I1	28		22,5	258	Linh	
23	000353	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10I1	28		15	247	Ly	
24	000354	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10I1	28		06	245	Mai	
25	000355	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10I1	28		21	265	Mai	
26	000356	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10I1	28		05	261	Minh	
27	000357	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10I1	28		08	256	Nam	
28	000358	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10I1	28		07	252	Ngân	
29	000359	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10I1	28		24	262	Ngọc	
30	000360	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10I1	28		17	259	Nhi	
31	000361	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10I1	28		16	259	Nhung	
32	000362	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD10I1	28		20	250	Oai	
33	000363	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10I1	28		18	254	Phương	HP

Tổng số sinh viên dự thi: 32
Tổng số tờ giấy thi: 32
Tổng số biên bản: 0

Ngày 24 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 — Cán bộ coi thi 2

Trần T Trang — N.T. Yến

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 12 A6 tc
Giảng đường: A20_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN 2
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000364	1001021045	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	KD10H	28		18	263	Phương	
2	000365	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	28		16	265	Phương	
3	000366	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	28		17	278	Tài	
4	000367	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	28		18	280	Thảo	
5	000368	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	28		18	274	Thảo	
6	000369	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	28		05	261	Thảo	
7	000370	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	28		04	267	Thảo	
8	000371	1001021448	Dương Đình	Thi	14/06/2004	KD10H	~~28~~					ĐK
9	000372	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	28		17	269	Thư	
10	000373	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	28		21	271	Trang	
11	000374	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	28		20	273	Trang	
12	000375	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD10H	28		21	254	Tùng	
13	000376	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	01/12/2004	KD10H	28		10	252	Uyên	
14	000377	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	28		15	262	Vũ	
15	000378	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	28	muộn 2	10	256	yên	
16	000379	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	29		25	256	An	
17	000380	1001060347	Đỗ Thị Phương	Anh	21/08/2004	KA10A	29		18	258	Anh	
18	000381	1001061438	Lý Thị Kim	Anh	09/03/2004	KA10A	29		17	274	Anh	
19	000382	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A	~~29~~					
20	000383	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	29		14	270	Anh	
21	000384	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	29		23	260	pa	
22	000385	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	29		19	273	Bình	
23	000386	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	29		17	268	Giáp	
24	000387	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	29		16	249	Hà	
25	000388	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	29		20	262	Hoài	
26	000389	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	29		15	247	Hoàn	
27	000390	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	29		22	276	Hương	
28	000391	1001060363	Vũ Mai	Hương	26/11/2004	KA10A	29		19	254	Hương	
29	000392	1001060365	Nguyễn Thanh	Huyền	02/10/2004	KA10A	29		22	272	Huyền	
30	000393	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A	29		16	248	Huyền	
31	000394	1001061429	Triệu Tài	Lương	23/09/2000	KA10A	29		05	269	Lương	
32	000395	1001060368	Nguyễn Thị Thanh	Minh	27/12/2004	KA10A	29		19	259	Minh	
33	000396	1001061025	Phạm Thị Phương	Nga	13/02/2004	KA10A	29		18		Nga	

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 0

Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 13 A7
Giảng đường: ~~A2~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000397	1001060369	Vũ Doãn Anh	Ngọc	19/12/2004	KA10A	29		20	279	Ngọc	
2	000398	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	29		19	277	Thu	
3	000399	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	29		20	273	Thư	
4	000400	1001060373	Nguyễn Thủy	Tiên	24/01/2004	KA10A	29		24	271	Tiên	
5	000401	1001060374	Nguyễn Trung	Tiến	18/08/2004	KA10A	29		20	261	Tiến	
6	000402	1001061431	Nguyễn Đức	Trường	16/10/2003	KA10A	29		21	269	Trường	
7	000403	1001061083	Cam Thảo	Vân	16/07/2004	KA10A	29		24	267	Vân	
8	000404	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	29		17		Xoan	(265)
9	000405	1001060381	Phạm Hoàng	Yến	18/07/2004	KA10A	29		24		Yến	(263)
10	000406	0810330865	Phạm Đình	Kiệt	08/04/2002	QM8A	29		19	406	Kiệt	
11	000407	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	30		22	271	An	
12	000408	1001040002	Đỗ Tuấn	Anh	14/12/2004	CT10A	30		25	266	~~Anh~~	
13	000409	1001040005	Trần Tuấn	Anh	15/10/2004	CT10A	30		25	262	~~Anh~~	
14	000410	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	30		19	273	Dương	
15	000411	1C01040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	30		19	260	Giang	
16	000412	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	CT10A	30		17	258	Hoài	
17	000413	1001040011	Phạm Thị Kim	Huệ	19/05/2004	CT10A	30		20	256	Huệ	
18	000414	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	30		18	266	Huyền	
19	000415	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/~~2004~~	~~CT10A~~	~~30~~					HP,DK
20	000416	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	30		23	251	Ly	
21	000417	1001041503	Chu Thị Quỳnh	Mai	11/11/2004	CT10A	30		21	250	Mai	
22	000418	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	30		20	271	Nam	
23	000419	1001040015	Trần Quốc	Thắng	22/11/2004	CT10A	30		25	261	Thắng	
24	000420	1001041432	Nguyễn Thảy	Trang	15/06/2003	CT10A	30		22	263	Trang	
25	000421	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	30		24	248	TAnh	
26	000422	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	30		17	246	Huyền	
27	000423	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	30		23	259	Linh	
28	000424	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	30		17	257	Luyến	
29	000425	0905010010	Nguyễn Đông	Tú	13/01/1989	LTDH9B	~~31~~					DK
30	000426	0908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	DH9B VL	~~31~~					DK

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 28
Tổng số biên bản: 0

Ngày 21 tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 — Đỗ T Nghiam

Cán bộ coi thi 2 — Đặng Thị Phương

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 14 A8 tầng
Giảng đường: ~~A10~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000427	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	31			.		ĐK
2	000428	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	31		18	276	Anh	
3	000429	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	31		21	278	Anh	
4	000430	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	31		19	249	Anh	
5	000431	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	31		21	247	Ánh	
6	000432	1001081106	Đặng Đình Gia	Bao	10/06/2004	TM10A	31		20	272	Bảo	HP
7	000433	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	31		18	268	Bích	
8	000434	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	31		16	280	Châu	
9	000435	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	31		16	274	Cường	
10	000436	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	31		17	278	Hà	
11	000437	1001080390	Nguyễn Thị	Hảo	31/07/2004	TM10A	31		22	266	Hảo	
12	000438	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	31		20	246	Hiền	
13	000439	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	31		20	264	Hiền	
14	000440	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	31		18	262	Hiệp	
15	000441	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	31		05	260	Hồng	
16	000442	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	31		16	258	Huy	
17	000443	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	31		20	256	Kiệt	
18	000444	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	31		21	254	Lan	
19	000445	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	31		20	275	Linh	
20	000446	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	31		19	250	Linh	
21	000447	1003020001	Lê Thị	Anh	08/10/2000	10A TCI	32		18	255	Anh	
22	000448	1003020013	Phạm Thị	Tân	07/05/2001	10A TCI	32		17	252	Tân	
23	000449	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	32		20	279	Linh	
24	000450	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	32		21	273	Linh	
25	000451	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	32		18	248	Linh	
26	000452	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	32		22	277	Mai	
27	000453	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	32		17	269	Mạnh	
28	000454	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	32		18	271	Minh	
29	000455	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	32		18	265	Ngọc	
30	000456	1001080409	Hoàng Tố	Nhi	12/11/2004	TM10A	32		19	267	Nhi	

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 29
Tổng số biên bản: 0

Ngày 21 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2

T. H. Giang | Lê Thị Thanh

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 15 A4 2
Giảng đường: ~~A1~~_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN 2
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000457	1001081440	Trần Thị Kim	Oanh	15/04/2004	TM10A	32		15	280	Oanh	HP
2	000458	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	32		20	278	Phương	
3	000459	1001080414	Phạm Minh	Phương	22/08/2003	TM10A	32					HP,DK
4	000460	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	32		18	~~274~~	Phượng	
5	000461	1001080415	Đỗ Trường	Sơn	21/07/2004	TM10A	32		05	270	Sơn	
6	000462	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM10A	32					HP,DK
7	000463	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	32		20	276	Thảo	
8	000464	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	32		14	272	Thảo	
9	000465	1001080421	Mạc Doãn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	32		19	~~266~~ 268	Trang	
10	000466	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	32		20	266	Tùng	
11	000467	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	32		23	264	Vân	
12	000468	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	32		20	259	Vy	
13	000469	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	33					HP,DK
14	000470	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	33		20	262	Anh	
15	000471	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	33		16	260	Anh	
16	000472	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	33		15	258	Bình	
17	000473	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	33	20	~~249~~	249	Diễm	
18	000474	1001070435	Đoàn Bắc Dũng	Duy	26/12/2004	KL10A	33		22	255	Duy	
19	000475	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	33		20	277	Hoàng	
20	000476	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL10A	33					
21	000477	1001070425	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	QL10A	33		22	279	Anh	
22	000478	1001070429	Nông Quốc	Bảo	18/01/2004	QL10A	33					HP,DK
23	000479	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	33		14	256	Cúc	
24	000480	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	33		05	254	Đô	
25	000481	1001070436	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	QL10A	33		19	252	Giang	
26	000482	1001070439	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	QL10A	33		05	250	Hiếu	
27	000483	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	33		10	271	Huy	
28	000484	1001070443	Nguyễn Khánh	Linh	01/09/2004	QL10A	33					HP,DK
29	000485	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	33		21	268	Long	
30	000486	1001071157	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	QL10A	33		22	275	Ngọc	
31	000487	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	33		07	253	Nhi	
32	000488	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	33		15	257	Phương	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
33	000489	1001071415	Nguyễn Lan	Phương	29/09/2004	QL10A	33		20	246	Phương	
34	000490	1001071166	Đỗ Thị	Thuỳ	10/05/2003	QL10A	33		16	269	Thu	
35	000491	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	33		17	247	Trang	
36	000492	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	33		13	273	Trường	HP
37	000493	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	33		18	267	Tuấn	HP
38	000494	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL10A	33		18	262	Tường	
39	000495	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/09/2004	KD10E	23		17	265	Anh	
40	000496	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	24		18	261	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi:..34....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 21.. tháng 12 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Quản T Hoài Anh Ng T Cẩm Nhung